

Số: 101/2022/NQ-HĐND

Quảng Trị, ngày 09 tháng 12 năm 2022

**NGHỊ QUYẾT**

**Quy định mức hỗ trợ một số nội dung thực hiện Chương trình  
mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025  
trên địa bàn tỉnh Quảng Trị**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ  
KHÓA VIII, KỲ HỌP THỨ 14**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

*Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25/6/2015;*

*Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;*

*Căn cứ Quyết định số 07/2022/QĐ-TTg ngày 25/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025;*

*Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;*

*Căn cứ Thông tư số 53/2022/TT-BTC ngày 12/8/2022 của Bộ Tài chính quy định quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách Trung ương thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025;*

*Xét Tờ trình số 236/TTr-UBND ngày 21/11/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về Quy định mức hỗ trợ một số nội dung thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Quảng trị; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.*

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định mức hỗ trợ một số nội dung thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021- 2025 trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.

**Điều 2. Tổ chức thực hiện**

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết.
2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu của Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh phối hợp với Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh giám sát thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị khóa VIII, Kỳ họp thứ 14 thông qua ngày 09 tháng 12 năm 2022 và có hiệu lực từ ngày 19 tháng 12 năm 2022./.

**Nơi nhận:**

- UBND, Chính phủ;
- Vụ Pháp chế các Bộ: Tài chính, Bộ Nông nghiệp và PTNT, KH&ĐT
- Cục kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;
- TVTU; TT HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- VP: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH&HĐND, UBND tỉnh;
- TT HĐND, UBND các huyện, thị xã, TP;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- TT Công báo tỉnh;
- Lưu: VT, KTNS.

**CHỦ TỊCH****Nguyễn Đăng Quang**



**QUY ĐỊNH**  
**Mức hỗ trợ một số nội dung thực hiện Chương trình**  
**mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021- 2025**  
**trên địa bàn tỉnh Quảng Trị**

*(Kèm theo Nghị quyết số 101/2022/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị)*

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng**

**1. Phạm vi điều chỉnh**

a) Nghị quyết này quy định mức hỗ trợ một số nội dung chi từ nguồn kinh phí sự nghiệp từ ngân sách trung ương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh;

b) Các nội dung thuộc Chương trình có lồng ghép nguồn vốn sự nghiệp từ nguồn ngân sách trung ương, ngân sách địa phương và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác.

**2. Đối tượng áp dụng**

Các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân quản lý, sử dụng, quyết toán và thụ hưởng nguồn kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới.

**Điều 2. Mức hỗ trợ tăng cường cơ sở vật chất cho hệ thống thông tin và truyền thông cơ sở**

**1. Đầu tư mới Đài truyền thanh xã**

a) Đối với xã đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi (xã khu vực III), xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển; xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi (xã khu vực I, II): Mức hỗ trợ theo dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt, trong đó hỗ trợ từ ngân sách không quá 428 triệu đồng/dự án;

b) Đối với xã còn lại: Mức hỗ trợ theo dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt, trong đó hỗ trợ từ ngân sách không quá 405 triệu đồng/dự án.

**2. Nâng cấp Đài truyền thanh FM lên Đài truyền thanh IP**

a) Đối với xã đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi (xã khu vực III), xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển; xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi (xã khu vực I, II): Mức hỗ trợ theo dự án nâng

*P2*

cấp được cấp có thẩm quyền phê duyệt, trong đó hỗ trợ từ ngân sách không quá 250 triệu đồng/dự án;

b) Đối với xã còn lại: Mức hỗ trợ theo dự án nâng cấp được cấp có thẩm quyền phê duyệt, trong đó hỗ trợ từ ngân sách không quá 237 triệu đồng/dự án.

**Điều 3. Mức hỗ trợ phát triển các mô hình xử lý nước thải sinh hoạt quy mô hộ gia đình, cấp thôn theo dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt**

1. Các mô hình thực hiện ở huyện miền núi: Kinh phí sự nghiệp từ ngân sách Trung ương hỗ trợ là 70%; ngân sách địa phương, dân đóng góp và các nguồn vốn hợp pháp khác 30%.

2. Các mô hình thực hiện ở các huyện còn lại: Kinh phí sự nghiệp từ ngân sách trung ương hỗ trợ là 50%; ngân sách địa phương, dân đóng góp và các nguồn vốn hợp pháp khác 50%.

**Điều 4. Mức hỗ trợ xây dựng và phát triển hiệu quả các vùng nguyên liệu tập trung, chuyển đổi cơ cấu sản xuất, góp phần thúc đẩy chuyển đổi số trong nông nghiệp**

Hỗ trợ chi phí tư vấn, giám sát và gắn mới mã số vùng trồng cho các tổ chức, cá nhân. Ưu tiên gắn mã vùng trồng cho vùng sản xuất đã được đánh giá chứng nhận vùng trồng thực hành sản xuất nông nghiệp tốt (GAP) hoặc nông nghiệp hữu cơ; hỗ trợ truy xuất nguồn gốc các sản phẩm chủ lực của xã, huyện, tỉnh, cụ thể:

1. Hỗ trợ 100% chi phí tư vấn, giám sát và gắn mới mã số vùng trồng cho các tổ chức, cá nhân. Mức hỗ trợ không quá 13 triệu đồng/mã số vùng trồng.

2. Hỗ trợ 100% chi phí hướng dẫn lập hồ sơ truy xuất nguồn gốc sản phẩm chủ lực của xã gắn với vùng nguyên liệu được chứng nhận VietGAP hoặc tương đương, không quá 2,0 triệu đồng/1 sản phẩm; hỗ trợ 100% chi phí thiết lập hệ thống, tạo mã truy xuất nguồn gốc điện tử, không quá 10 triệu đồng/sản phẩm.

**Điều 5. Mức hỗ trợ bảo tồn và phát huy các làng nghề truyền thống ở nông thôn**

1. Chi hỗ trợ đầu tư, hỗ trợ áp dụng khoa học kỹ thuật, công nghệ mới vào một số công đoạn sản xuất kết hợp với sử dụng kỹ thuật, công nghệ truyền thống mà không ảnh hưởng đến giá trị nghệ thuật, thẩm mỹ và giá trị truyền thống của sản phẩm: Thực hiện theo Nghị Quyết số 163/2021/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị về chính sách hỗ trợ ứng dụng, nhân rộng các kết quả khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2021- 2025.



2. Chi hỗ trợ cải tiến thiết kế mẫu mã, nâng cao chất lượng, tìm kiếm thị trường tiêu thụ sản phẩm: Thực hiện theo quy định tại Khoản 5 Điều 5 Nghị quyết số 162/2021/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2021 của HĐND tỉnh về việc quy định chính sách hỗ trợ phát triển một số cây trồng, vật nuôi tạo sản phẩm chủ lực có lợi thế cạnh tranh trên địa bàn tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2022-2026.

3. Chi hỗ trợ nâng cấp, hoàn thiện các biện pháp và công trình xử lý môi trường: Mức chi hỗ trợ từ nguồn ngân sách trung ương 70% kinh phí thực hiện các dự án, mô hình được cấp có thẩm quyền phê duyệt đối với các huyện miền núi; 50% kinh phí thực hiện các dự án, mô hình được cấp có thẩm quyền phê duyệt đối với các huyện còn lại trong phạm vi dự toán được cấp có thẩm quyền giao và không quá 3 tỷ đồng/dự án, mô hình.

#### **Điều 6. Mức hỗ trợ phát triển điểm du lịch nông thôn**

1. Chi hỗ trợ phát triển điểm du lịch nông thôn và sản phẩm du lịch nông thôn mang đặc trưng vùng miền, gồm: Chi nâng cấp, đầu tư phát triển điểm du lịch nông thôn gắn với việc thực hiện các tiêu chí nông thôn mới; Chi phát triển sản phẩm du lịch nông thôn mang đặc trưng vùng, miền. Mức chi từ nguồn ngân sách trung ương 70% kinh phí thực hiện các dự án, mô hình được cấp có thẩm quyền phê duyệt đối với các huyện miền núi, hỗ trợ 50% kinh phí thực hiện các dự án, mô hình được cấp có thẩm quyền phê duyệt đối với các huyện còn lại trong phạm vi dự toán được cấp có thẩm quyền giao.

2. Đối với các nội dung chi tại Khoản 1 Điều này đã được quy định cụ thể tại Nghị quyết số 12/2022/NQ-HĐND ngày 15 tháng 4 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị về chính sách hỗ trợ phát triển du lịch trên địa bàn tỉnh Quảng Trị, giai đoạn 2022-2030 thì áp dụng mức chi cụ thể đã được Hội đồng nhân dân tỉnh quy định.

#### **Điều 7. Mức hỗ trợ nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở**

1. Chi mua sắm các trang thiết bị phục vụ các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao tại các thiết chế văn hóa, thể thao. Mức hỗ trợ theo dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt, cụ thể:

- a) Trung tâm Văn hóa cấp tỉnh: 1.000 triệu đồng/thiết chế;
- b) Trung tâm Văn hóa - Thể thao cấp huyện: 500 triệu đồng/thiết chế;
- c) Trung tâm Văn hóa - Thể thao cấp xã: 80 triệu đồng/thiết chế;
- d) Nhà văn hóa - Khu thể thao thôn: 50 triệu đồng/thiết chế.

2. Chi hỗ trợ xây dựng tủ sách cho Thư viện cấp huyện; tủ sách cho Trung tâm Văn hóa - Thể thao cấp xã, Nhà Văn hóa - Khu thể thao thôn. Mức hỗ trợ theo dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt, cụ thể:

a) Thư viện, tủ sách tại Trung tâm Văn hóa - Thể thao cấp huyện 100 triệu đồng/01 tủ sách;

b) Thư viện, tủ sách xã là 50 triệu đồng/01 tủ sách;

c) Tủ sách thôn là 30 triệu đồng/01 tủ sách.

3. Chi hỗ trợ kinh phí hoạt động đối với thiết chế văn hóa, thể thao xã, thôn và hỗ trợ kinh phí tổ chức giải thể thao cấp xã, thôn. Mức hỗ trợ theo dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt, cụ thể:

a) Trung tâm Văn hóa - Thể thao xã: Kinh phí tổ chức giải thể thao cấp xã là 50 triệu đồng/01 năm;

b) Nhà văn hóa - Khu thể thao thôn: Kinh phí tổ chức giải thể thao cấp thôn: 30 triệu đồng/01 năm.

#### **Điều 8. Nguồn kinh phí thực hiện**

Từ nguồn kinh phí sự nghiệp ngân sách trung ương hỗ trợ, nguồn ngân sách địa phương và nguồn đóng góp, hỗ trợ khác thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025.

#### **Điều 9. Điều khoản thi hành**

Trường hợp các văn bản dẫn chiếu tại Nghị quyết này sửa đổi, bổ sung, thay thế thì áp dụng theo quy định tại các văn bản mới./.